

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2019/HNGĐ-ST

Ngày 12/9/2019

V/v: “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lăng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Ánh Minh

Ông Nguyễn Văn Vũ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc: Bà Huỳnh Thị Châm – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 222/2019/TLST - HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2019 về việc “Xin ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 05/8/2019. Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Phạm Thị Mai L, sinh năm 1980 (có mặt)

Nơi cư trú: ấp TN, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm 1980 (có mặt)

Nơi cư trú: ấp TN, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người làm chứng do bị đơn triệu tập: bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1966; Nơi cư trú: ấp TN, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện cũng như quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Mai L trình bày: do mai mối, tìm hiểu khoảng 02 tháng, chị L và anh Đ tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn năm 2000 tại UBND xã T. Theo chị L, anh chị chỉ sống hạnh phúc được thời gian đầu, 10 năm nay không còn hạnh phúc nữa. Nguyên nhân là do anh Đ thường xuyên uống rượu về kiếm chuyện, gây sự với vợ con và đập phá đồ đạc trong nhà, nhiều lần anh Đ hành hung, lấy dao rượt chị. Anh chị không hợp nhau từ tính tình đến cách sống, anh Đ gia trưởng,

tính khí cộc cằn, mọi quyết định trong gia đình đều do anh Đ áp đặt ý chí, chị L không được quyền quyết định. Từ những sinh hoạt đời thường, anh Đ cũng bắt chị hầu hạ, anh Đ uống rượu về thì buộc chị phải đốt thuốc cho hút, có lúc chị nấu đến ba nồi cơm anh Đ vẫn không ăn. Chị L cho rằng chị đã chịu đựng đến nay gần mười năm, cháu Đ1 là con của anh chị rất ngoan nhưng vì không đồng tình với cha nên lúc nào cháu Đ1 cũng tỏ ra chống đối với anh Đ. Chị L đã nhiều lần khuyên giải, anh Đ hứa sửa đổi nhưng không thay đổi. Nay chị L không còn lòng tin, tình cảm và không thể tiếp tục chịu đựng để sống cùng với anh Đ, anh chị đã ly thân đến nay khoảng 5 tháng nên chị L yêu cầu được ly hôn với anh Đ.

Về con chung, chị L và anh Đ có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Đ1, sinh ngày 05/9/2002 hiện do chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng.

Về tài sản chung của chị L và anh Đ thì anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung thì chị L xác định chị và anh Đ không có nợ chung và cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Ngọc Đ trình bày: Anh Đ không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ thương con. Về lời trình bày của chị L cho rằng anh thường xuyên uống rượu về gây chuyện, lấy dao rượt, hành hạ vợ con thì anh Đ không đồng ý. Anh vì công việc, thường xuyên uống rượu với bạn bè và đôi khi có la rầy vợ con, có lấy dao rượt con là để rầy dạy, không phải hành hạ như lời chị L trình bày. Trong cuộc sống vợ chồng, đôi lúc anh nhờ vợ đốt thuốc hút, từ rất lâu anh đã cho chị L biết là anh không ăn cơm nhão, không ăn cơm sống nên có lần chị L nấu cơm anh không ăn nhưng anh không nghĩ chị L lại nhớ những việc nhỏ nhặt như vậy. Anh thừa nhận tính khí anh nhiều lúc nóng giận có cộc cằn, chị L có nhiều lần khuyên giải nhưng anh nghĩ cuộc sống của anh chị vẫn bình thường nên anh không khắc phục. Tòa án yêu cầu anh cung cấp chứng cứ chứng minh anh có hướng khắc phục mâu thuẫn vợ chồng nên anh đã đến gia đình chị L, yêu cầu chị L về với anh thì anh sẽ uống thuốc cai rượu nhưng chị L vẫn không về. Anh Đ cũng thấy rằng chị L không còn tình cảm với anh nhưng anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung, anh Đ thống nhất với lời trình bày của chị L. Nếu cháu Đ1 muốn ở với chị L thì anh Đ đồng ý để chị L nuôi, anh Đ không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, anh Đ và chị L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung, anh Đ xác định anh chị không có nợ chung và cũng không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người làm chứng Nguyễn Thị Sáu trình bày: bà là láng giềng của anh Đ và chị L. Trong cuộc sống thì vợ chồng nào cũng xảy ra cự cãi và bà có một vài lần chứng kiến việc cự cãi của anh Đ và chị L sau khi anh Đ uống rượu. Còn việc anh Đ đánh đập hay bạo lực với vợ con thì bà Sáu không biết được. Chỉ khi nào làm cây giống và có đám tiệc thì anh Đ mới uống rượu. Tuy nhiên làm cây giống và đám tiệc cũng thường xuyên nên việc anh Đ uống rượu phần nào ảnh hưởng đến hạnh phúc của vợ chồng.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phát biểu quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L, cho chị và anh Đ ly hôn nhau. Về nuôi con chung, anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Đ1, sinh ngày 05/9/2002 hiện do chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Đề nghị Tòa án cho chị L được trực tiếp nuôi con, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do chị L không có yêu cầu. Không giải quyết về tài sản chung và nợ chung của chị L và anh Đ trong cùng vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc: “*ly hôn*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Mai L đối với anh Nguyễn Ngọc Đ, thấy rằng:

Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Mai L và anh Nguyễn Ngọc Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, không vi phạm các điều kiện kết hôn nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị L nhìn nhận mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ việc anh chị không hợp nhau từ tính tình đến cách sống, anh Đ thường xuyên uống rượu và bạo hành đối với vợ con, chị L đã chịu đựng đến nay gần mười năm và nay không thể tiếp tục chung sống. Tại phiên hòa giải anh Đ thừa nhận lỗi dẫn đến tình trạng hôn nhân như hiện tại là thuộc về anh tuy nhiên anh không đưa ra được hướng khắc phục. Tại phiên tòa anh Đ xác định anh không có lỗi gì nên không cần sửa đổi. Hiện tại chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với lý do không còn lòng tin và tình cảm cũng như không thể chịu đựng để chung sống với anh Đ. Hội đồng xét xử thấy rằng anh chị không hợp nhau từ tính tình và quan điểm sống, mâu thuẫn hôn nhân của anh chị đã âm ỉ từ rất lâu, tích tụ từ những việc nhỏ nhặt nhất. Anh Đ đã không sửa đổi mà còn thường xuyên uống rượu, để xảy ra bạo lực gia đình làm cho đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn

cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L, cho chị và anh Đ ly hôn nhau.

Về nuôi con chung: chị L và anh Đ có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Đ1, sinh ngày 05/9/2002 hiện do chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu Đ1 có nguyện vọng được sống với mẹ nếu cha mẹ ly hôn nên để đảm bảo sự phát triển ổn định về thể chất và tinh thần của cháu Đ1, cần tiếp tục giao cháu Đ1 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do chị L không có yêu cầu.

Về tài sản chung và về nợ chung: chị L và anh Đ không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, xác định giữa anh chị không có nợ chung và cũng không yêu cầu giải quyết về nợ chung nên Tòa án không giải quyết trong cùng vụ án.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên được chấp nhận toàn bộ.

[4] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: chị Phạm Thị Mai L phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

[1] Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Mai L. Chị Phạm Thị Mai L được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc Đ.

[2] Về nuôi con chung: chị Phạm Thị Mai L được quyền trực tiếp nuôi con tên Nguyễn Ngọc Đ1, sinh ngày 05/9/2002, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do chị L không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình

không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[3] Về tài sản chung và về nợ chung: chị L và anh Đ không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, xác định giữa anh chị không có nợ chung và cũng không yêu cầu giải quyết về nợ chung nên Tòa án không giải quyết trong cùng vụ án.

[4] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng chị Phạm Thị Mai L phải chịu nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0003026 ngày 18/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKS ND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKS ND huyện Mỏ Cày Bắc (1b);
- Chi Cục THA DS huyện Mỏ Cày Bắc (1b);
- Các đương sự (2b);
- UBND xã T
- số 17 ngày 27/10/2000;
- Lưu HS, VP (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Lăng